

Học kỳ: Học kỳ Hè - Năm học 2017-2018
Term (1734)

Lớp: 0400 (1085)
Class

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	KT1 (10 %)	KT2 (10 %)	KTGK (20 %)	Ghi chú (Note)
1	2144638	Hà Quang	Anh	6,0	10,0	8,0	
2	2174800	Lê Trần Hải Nguyệt	Anh	6,0	9,0	6,7	
3	2161645	Nguyễn Minh	Anh	2,0	8,0	6,3	
4	2144214	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	8,0	10,0	8,7	
5	2150053	Nguyễn Trâm	Anh	6,0	10,0	8,3	
6	2174809	Phạm Hàng Kim	Anh	4,0	8,0	7,3	
7	2174573	Phạm Hữu Hoàng	Anh	6,0	10,0	5,7	
8	2162046	Bùi Thị Xuân	Anh	8,0	7,0	6,0	
9	2142994	Phan Trần Ngọc	Bích	8,0	9,0	5,3	
10	2151776	Võ Minh	Châu	4,0	6,0	8,0	
11	2152752	Hồ Linh	Chi	4,0	9,0	7,3	
12	2150255	Hồng Quế	Dinh	6,0	10,0	6,7	
13	2142578	Trần Tôn	Dung	4,0	8,0	8,0	
14	2162025	Hà Mỹ	Duyên	2,0	Vắng	Vắng	
15	2135071	Đặng Đức	Huy	0,0	Vắng	Vắng	
16	2161670	Nguyễn Diệp	Khanh	6,0	8,0	7,0	
17	2144511	Hoàng Phạm Đăng	Khoa	8,0	7,0	7,3	
18	2145700	Nguyễn Hữu Hồng	Loan	6,0	9,0	5,7	
19	2142706	Lê Thị Thu	Minh	4,0	10,0	5,7	
20	2133436	Võ Trần Hoàng	Nam	2,0	7,0	7,0	
21	2162105	Nguyễn Minh	Ngọc	2,0	10,0	8,3	
22	2174486	Trần Minh	Nhật	2,0	7,0	7,7	
23	2142199	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	2,0	8,0	8,3	
24	2145540	Nguyễn Minh	Phát	2,0	9,0	7,3	
25	2150027	Dương Gia	Phú	2,0	10,0	6,3	
26	2161562	Nguyễn Kim	Phước	2,0	10,0	6,7	
27	2170056	Từ Văn	Quý	8,0	9,0	7,7	
28	2131783	Trần Thanh	Thanh	6,0	9,0	6,0	
29	2152398	Nguyễn Cẩm	Thi	2,0	10,0	7,3	
30	2143313	Lê Đạt	Tiến	2,0	10,0	6,7	
31	2170356	Lê Thị Thu	Tiền	0,0	Vắng	Vắng	
32	2150170	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	4,0	9,0	5,7	
33	2152389	Bùi Hoàng Thảo	Uyên	2,0	10,0	7,3	
34	2161384	Hoàng Lê	Uyên	10,0	10,0	6,3	
35	2150634	Phạm Minh Quang	Vinh	2,0	7,0	8,0	
36	2134442	Lương Đăng Thanh	Vy	6,0	10,0	6,0	
37	2145793	Nguyễn Lê Minh	Yên	4,0	8,0	6,0	
38	2150096	Phan Thị Hoàng	Yến	4,0	10,0	7,0	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng